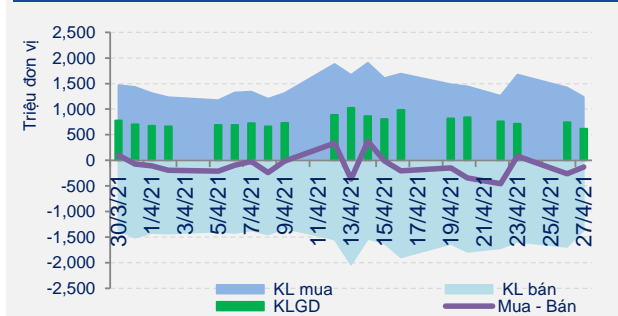
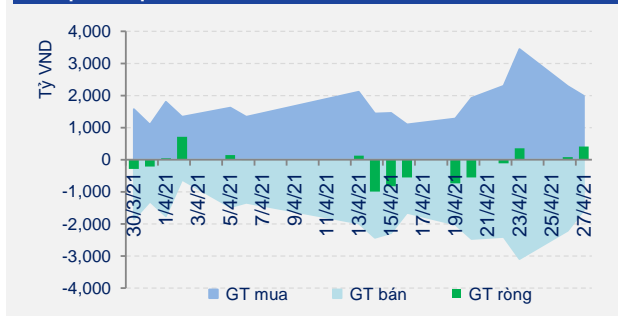


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 27/4/2021

| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,219.75 | 280.56 |
| % Thay đổi | ↑ 0.33% | ↓ -0.04% |
| KLGD (CP) | 618,169,880 | 102,411,873 |
| GTGD (tỷ đồng) | 15,459.27 | 1,716.44 |
| Tổng cung (CP) | 1,367,101,500 | 148,084,000 |
| Tổng cầu (CP) | 1,238,071,700 | 145,068,800 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 36,453,500 | 525,149 |
| KL mua (CP) | 48,241,600 | 465,200 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,987.60 | 16.15 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,574.98 | 9.25 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 412.63 | 6.90 |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


| Ngành Cấp 1 | % thay đổi | P/E | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.43% | 18.0 | 2.9 | 1.7% |
| Công nghiệp | ↑ 0.13% | 18.6 | 2.6 | 8.7% |
| Dầu khí | ↓ -2.31% | - | 1.9 | 2.2% |
| Dịch vụ Tiêu dùng | ↓ -0.32% | - | 4.9 | 3.2% |
| Dược phẩm và Y tế | ↑ 0.50% | 15.7 | 2.3 | 0.6% |
| Hàng Tiêu dùng | ↑ 0.46% | 20.0 | 4.1 | 7.3% |
| Ngân hàng | ↑ 0.24% | 13.1 | 2.4 | 30.8% |
| Nguyên vật liệu | ↑ 0.97% | 16.7 | 2.4 | 19.3% |
| Tài chính | ↑ 0.55% | 20.4 | 3.1 | 24.5% |
| Tiền ích Cộng đồng | ↓ -0.08% | 15.3 | 2.3 | 1.7% |
| VN - Index | ↑ 0.33% | 18.3 | 3.0 | |
| HNX - Index | ↓ -0.04% | 16.9 | 2.2 | |

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 3,98 điểm (+0,33%) lên 1.219,75 điểm; HNX-Index giảm 0,12 điểm (-0,04%) xuống 280,56 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 14.707 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 644 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực với 304 mã tăng, 100 mã tham chiếu, 350 mã giảm. Thị trường giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau; nhưng trong phiên ATC, lực cầu gia tăng giúp chỉ số kết phiên trong sắc xanh nhẹ. NVL (+6,2%), MSN (+3,2%), STB (+2,4%) và HPG (+2,2%) là 4 mã nổi bật tại nhóm VN30 với mức tăng hơn 2%, trong bối cảnh VN30 đang trong tình trạng phân hóa với 14 mã tăng và 13 mã giảm. Ở chiều ngược lại, PLX (-2,7%) và PDR (-2,7%) giảm mạnh hơn 2%. Nhóm ngân hàng cũng phân hóa với ACB (+2,1%) bất ngờ được đẩy lên trong phiên ATC tới mức giá 34.000 đồng. Trong khi đó, MSB (-2,1%) và PGB (-1,3%) mất hơn 2%. Tình trạng phân hóa cũng là tình trạng chung của hầu hết các ngành khác trên thị trường trong phiên hôm nay.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index hồi phục nhẹ (+0,33%) trong phiên hôm nay với giá trị khớp lệnh suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, chỉ số tăng chủ yếu do hoạt động tiết cung. Trên góc nhìn kỹ thuật, sau khi tạo đỉnh tại mức 1.286 điểm trong phiên 20/4 và hai tuần liên tiếp chỉ số không thể đóng cửa trên ngưỡng 1.250 điểm thì VN-Index đã xác nhận bước vào sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh ngưỡng 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Và thị trường có lẽ sẽ tiếp tục quá trình đi xuống để hoàn thành sóng điều chỉnh a trong tháng 5/2021. Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/4, thị trường có thể giảm trở lại về các ngưỡng thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trong các phiên 28/1-2/2 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 đã chốt lời nên đứng ngoài quan sát thị trường, chờ đợi những nhịp điều chỉnh sâu hơn để tham gia trở lại. Những nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng tăng 5 có thể tiếp tục và trailing stop theo đường trung bình 20 ngày quanh ngưỡng 1.235 điểm, nếu chưa bán ra trong hai phiên gần đây có thể canh những nhịp hồi phục trong phiên tới để hạ tỷ trọng.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

27/4/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên giao dịch, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.204,14 điểm. Trong thời gian sau đó, lực cầu có lúc gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.220,96 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 3,98 điểm (+0,33%) lên 1.219,75 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: NVL tăng 7.100 đồng, HPG tăng 1.200 đồng, MSN tăng 3.000 đồng. Ở chiều ngược lại, PLX giảm 1.350 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán từ đầu phiên và kéo dài cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 277,556 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,12 điểm (-0,04%) xuống 280,56 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: BAB giảm 200 đồng, KLF giảm 500 đồng, ART giảm 800 đồng. Ở chiều ngược lại, PAN tăng 900 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 406,76 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,6 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 173,7 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NVL với 96,7 tỷ đồng tương ứng với 810 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VPB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 116,4 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 6,87 tỷ đồng. VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,7 tỷ đồng tương ứng với 74 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NTP với 4 tỷ đồng tương ứng với 111 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,2 tỷ đồng tương ứng với 92 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Bloomberg: Việt Nam lọt top 15 nền kinh tế có khả năng phục hồi tốt nhất hậu Covid

Nhờ khả năng phòng chống dịch kết hợp với tốc độ tiêm vaccine Covid-19 nhanh nhất châu Á, Singapore trở thành nước dẫn đầu Bảng xếp hạng Khả năng phục hồi Hậu Covid-19 vừa công bố của Bloomberg. Vị trí này trước đó thuộc về New Zealand.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, chỉ số tăng nhẹ chủ yếu do hoạt động tiết cung.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Thực tế, thì sóng tăng 5 đã nở rộng được lên được gần 290 điểm khi VN-Index chạm đến ngưỡng 1.286 điểm trong phiên 20/4.

Do thị trường đóng cửa tuần trước đó ở dưới ngưỡng 1.250 điểm nên xác suất để thị trường nối dài sóng tăng 5 lên ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) là thấp hơn so với khả năng thị trường chuyển sang sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Theo đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 28/4, thị trường có thể giảm trở lại về các ngưỡng thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 1.235 điểm (MA20) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.200 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

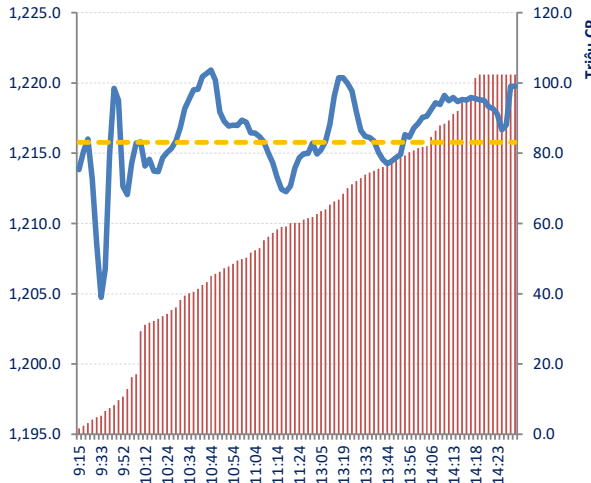
| | |
|-------------------------------------|---|
| Giá vàng trong nước tăng | Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 55,3 - 55,6 triệu đồng/lượng, tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay. |
| Tỷ giá trung tâm giảm 6 đồng | Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 27/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.161 VND/USD, giảm 6 đồng so với hôm qua. |

TIN QUỐC TẾ

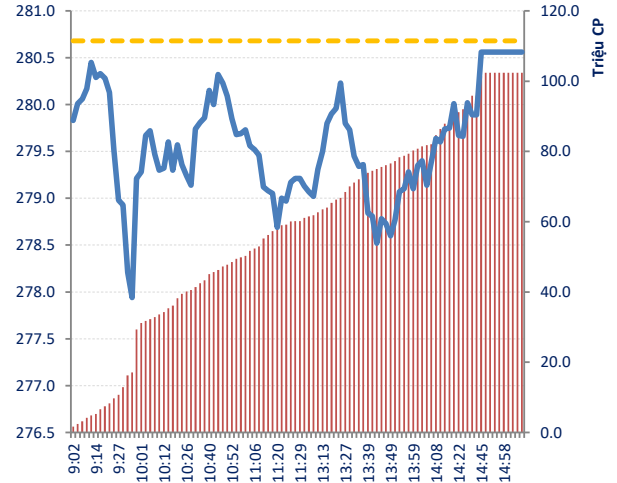
| | |
|--|--|
| Giá vàng thế giới giảm | Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 1,85 USD/ounce tương ứng với 0,1% xuống 1.778,35 USD/ounce. |
| Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng | Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,225 điểm tương ứng 0,25% lên 91 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2062 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3878 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 108,36 JPY. |
| Giá dầu thế giới tăng | Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,48 USD/thùng tương ứng với 0,78% lên 62,38 USD/thùng. |
| Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều | Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/4, chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones giảm 61,92 điểm tương đương 0,18% xuống 33.981,57 điểm. Nasdaq tăng 121,97 điểm tương đương 0,87% lên 14.138,78 điểm. Nasdaq Composite tăng 7,45 điểm tương đương 0,18% xuống 4.187,62 điểm. |

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

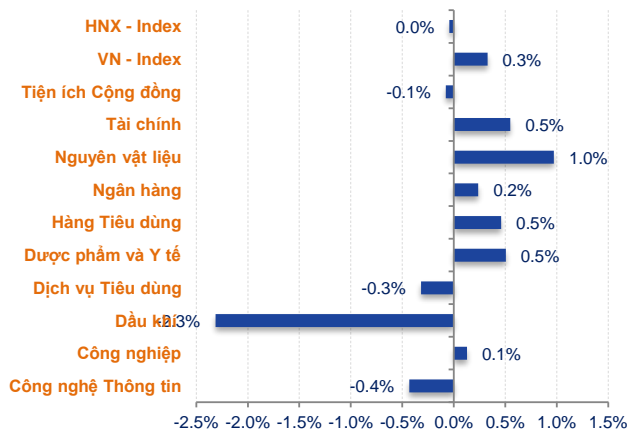
KLGD và VN-Index trong phiên



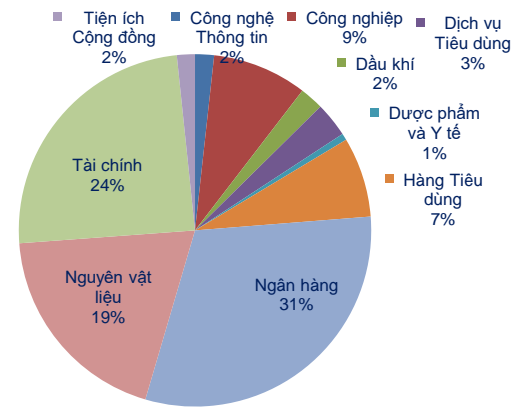
KLGD và HNX-Index trong phiên



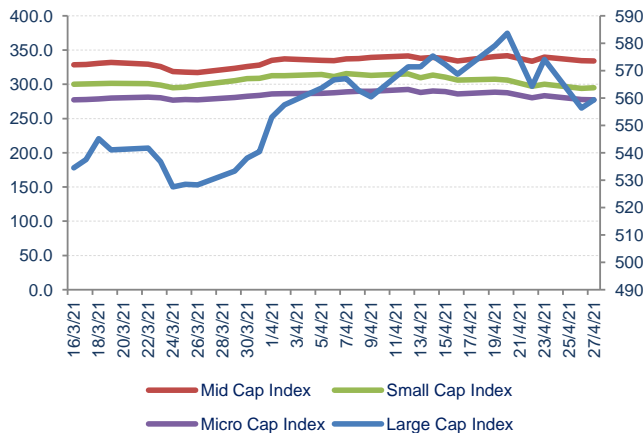
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



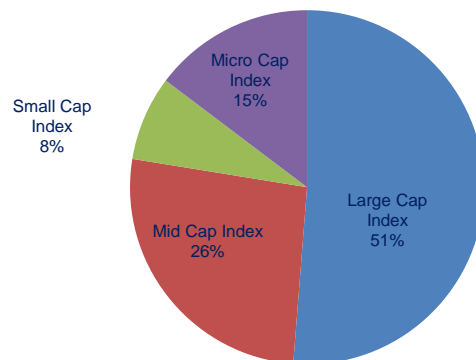
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | STB | 3,482,000 | VPB | 2,220,300 |
| 2 | HPG | 3,132,400 | MBB | 1,477,500 |
| 3 | HDB | 1,725,900 | CTG | 1,427,600 |
| 4 | MSN | 905,900 | MSB | 736,200 |
| 5 | NVL | 810,300 | PLX | 601,100 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | NTP | 111,200 | VND | 92,000 |
| 2 | VCS | 74,300 | HUT | 87,949 |
| 3 | ACM | 30,700 | APS | 76,100 |
| 4 | CVN | 29,700 | ART | 73,100 |
| 5 | PGN | 18,300 | SHS | 19,000 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| STB | 22.55 | 23.10 | ↑ | 2.44% | 47,546,500 |
| ROS | 7.17 | 6.67 | ↓ | -6.97% | 46,913,600 |
| HQC | 4.08 | 3.80 | ↓ | -6.86% | 26,689,100 |
| LPB | 20.70 | 20.55 | ↓ | -0.72% | 25,663,700 |
| HPG | 55.10 | 56.30 | ↑ | 2.18% | 23,519,700 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---|--------|------------|
| KLF | 6.10 | 5.60 | ↓ | -8.20% | 18,126,008 |
| SHB | 27.10 | 27.20 | ↑ | 0.37% | 13,579,639 |
| ART | 9.10 | 8.30 | ↓ | -8.79% | 7,633,609 |
| NVB | 17.10 | 17.20 | ↑ | 0.58% | 5,432,925 |
| PVS | 19.40 | 19.40 | → | 0.00% | 4,922,330 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| PSH | 20.00 | 21.40 | 1.40 | ↑ 7.00% |
| TTF | 6.58 | 7.04 | 0.46 | ↑ 6.99% |
| TSC | 8.90 | 9.52 | 0.62 | ↑ 6.97% |
| HUB | 22.30 | 23.85 | 1.55 | ↑ 6.95% |
| VPS | 15.15 | 16.20 | 1.05 | ↑ 6.93% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| SDG | 35.00 | 38.50 | 3.50 | ↑ 10.00% |
| VIE | 8.00 | 8.80 | 0.80 | ↑ 10.00% |
| ACM | 3.00 | 3.30 | 0.30 | ↑ 10.00% |
| QHD | 38.50 | 42.30 | 3.80 | ↑ 9.87% |
| PPE | 12.20 | 13.40 | 1.20 | ↑ 9.84% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| ROS | 7.17 | 6.67 | -0.50 | ↓ -6.97% |
| NHA | 32.40 | 30.15 | -2.25 | ↓ -6.94% |
| TMT | 10.25 | 9.54 | -0.71 | ↓ -6.93% |
| YEG | 26.75 | 24.90 | -1.85 | ↓ -6.92% |
| HQC | 4.08 | 3.80 | -0.28 | ↓ -6.86% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| GMX | 30.00 | 27.00 | -3.00 | ↓ -10.00% |
| SVN | 5.00 | 4.50 | -0.50 | ↓ -10.00% |
| DIH | 26.00 | 23.40 | -2.60 | ↓ -10.00% |
| ADC | 26.10 | 23.50 | -2.60 | ↓ -9.96% |
| GDW | 39.40 | 35.50 | -3.90 | ↓ -9.90% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|---------|-----|
| STB | 47,546,500 | 9.6% | 1,487 | 15.2 | 1.5 |
| ROS | 46,913,600 | 3250.0% | 2 | 4,752.1 | 0.7 |
| HQC | 26,689,100 | 0.2% | 20 | 202.6 | 0.4 |
| LPB | 25,663,700 | 16.0% | 2,097 | 9.9 | 1.5 |
| HPG | 23,519,700 | 25.1% | 4,060 | 13.6 | 3.1 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| KLF | 18,126,008 | -0.6% | (60) | - | 0.6 |
| SHB | 13,579,639 | 14.2% | 1,963 | 13.8 | 1.9 |
| ART | 7,633,609 | 0.1% | 16 | 562.1 | 0.8 |
| NVB | 5,432,925 | 0.3% | 27 | 641.0 | 1.6 |
| PVS | 4,922,330 | 4.8% | 1,306 | 14.9 | 0.7 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| PSH | ↑ 7.0% | 2.8% | 349 | 57.3 | 1.6 |
| TTF | ↑ 7.0% | 0.0% | 113 | 58.2 | - |
| TSC | ↑ 7.0% | 0.9% | 114 | 77.8 | 0.7 |
| HUB | ↑ 7.0% | 14.1% | 3,292 | 6.8 | 0.9 |
| VPS | ↑ 6.9% | 3.9% | 533 | 28.4 | 1.1 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|---------|-----|
| SDG | ↑ 10.0% | 15.7% | 8,859 | 4.0 | 0.6 |
| VIE | ↑ 10.0% | -3.5% | (226) | - | 1.3 |
| ACM | ↑ 10.0% | 0.0% | 2 | 1,276.4 | 0.4 |
| QHD | ↑ 9.9% | 31.8% | 5,682 | 6.8 | 2.1 |
| PPE | ↑ 9.8% | 1.4% | 62 | 198.3 | 3.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| STB | 3,482,000 | 9.6% | 1,487 | 15.2 | 1.5 |
| HPG | 3,132,400 | 25.1% | 4,060 | 13.6 | 3.1 |
| HDB | 1,725,900 | 20.2% | 3,089 | 8.6 | 1.6 |
| MSN | 905,900 | 3.2% | 1,054 | 90.2 | 4.5 |
| NVL | 810,300 | 13.9% | 3,990 | 28.7 | 3.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|---------|-----|
| NTP | 111,200 | 19.0% | 4,258 | 8.2 | 1.5 |
| VCS | 74,300 | 39.1% | 9,046 | 9.8 | 3.7 |
| ACM | 30,700 | 0.0% | 2 | 1,276.4 | 0.4 |
| CVN | 29,700 | 20.0% | 2,116 | 4.5 | 0.7 |
| PGN | 18,300 | 16.7% | 2,396 | 7.2 | 1.5 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 444,790 | 4.3% | 1,586 | 82.9 | 3.3 |
| VCB | 365,695 | 21.1% | 4,975 | 19.8 | 3.9 |
| VHM | 327,636 | 35.6% | 8,315 | 12.0 | 3.7 |
| VNM | 200,636 | 35.0% | 5,313 | 18.1 | 6.0 |
| HPG | 182,562 | 25.1% | 4,060 | 13.6 | 3.1 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| THD | 65,275 | 61.8% | 6,858 | 27.2 | 4.3 |
| SHB | 47,439 | 14.2% | 1,963 | 13.8 | 1.9 |
| BAB | 18,917 | 7.7% | 897 | 29.8 | 2.2 |
| VCS | 14,176 | 39.1% | 9,046 | 9.8 | 3.7 |
| IDC | 9,840 | 7.1% | 1,015 | 32.3 | 2.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| EVG | 2.49 | 2.6% | 265 | 50.3 | 1.1 |
| BSI | 2.44 | 8.9% | 1,047 | 13.1 | 1.1 |
| CTS | 2.37 | 18.7% | 2,444 | 6.1 | 1.1 |
| FTM | 2.36 | -60.2% | (4,068) | - | 0.6 |
| FIT | 2.35 | 1.4% | 222 | 44.8 | 0.6 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|---------|-----|
| VIG | 3.11 | -2.0% | (113) | - | 1.1 |
| ART | 2.73 | 0.1% | 16 | 562.1 | 0.8 |
| WSS | 2.69 | 2.0% | 206 | 34.9 | 0.7 |
| TDT | 2.42 | 9.4% | 1,118 | 10.6 | 1.0 |
| LUT | 2.41 | 0.0% | 5 | 1,088.7 | 0.5 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
